

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HSST
Ngày 13 tháng 6 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hợp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Xuân Minh

2. Ông Nguyễn Việt Thắng

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Cẩm Hương, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 46/2019/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2019, đối với bị cáo:

Cao Mỹ N, sinh năm 1988; Tên gọi khác: không; Giới tính: Nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau; Nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông: Cao Văn N, sinh năm 1956 và bà Trần Thị H, sinh năm 1958; Chồng: Nguyễn Văn B, sinh năm 1989; Con: 02 người, sinh năm 2010, 2013; Chị, em ruột: có 03 người (lớn nhất sinh 1978, nhỏ nhất sinh năm 1989); Tiền án: Không; Tiền sự: không; Bị khởi tố ngày 24. 04. 2019 sau đó cho tại ngoại cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Bà **Đoàn Hồng N** – sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Ông **Cao Văn N** – sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Ông **Dương Văn D** – sinh năm 1944. Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Ông **Nguyễn Văn B** – sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 10 tháng 03 năm 2019, Đoàn Hồng Nhi có mang theo trong người 7.500.000 đồng đi sang nhà ông Cao Văn Nữa ở cùng ấp nhậu với một số bạn bè gần nhà trong đó có vợ chồng bị cáo Cao Mỹ N. Đến 14 giờ cùng ngày Nhi xuống ghe hàng mua 1 cây thuốc lá Sam Son và củ sắn đưa lên nhà ông Nữa nhậu tiếp, lúc Nhi mua đồ có bị cáo N đi theo thấy Nhi có nhiều tiền trong người. Sau khi nhậu nhà ông Nữa xong, đến 16 giờ cùng ngày Nhi mời ông Nữa, vợ chồng bị cáo N, vợ chồng Linh qua nhà Nhi nhậu tiếp. Tại đây, bị cáo phát hiện cây thuốc lá hiệu Sam son của Nhi mua để trên bếp nên đã lén lấy trộm đưa cho đứa con trai tên Nguyễn Văn Thuận mang về nhà cất giấu, đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì tàn cuộc nhậu, mọi người đều ra về, Nhi vào nhà tắm và bỏ lại tiền trong túi quần treo trong nhà tắm rồi đi ngủ. Sau khi nhậu tại nhà của Nhi về, bị cáo ngủ được một lúc thì thức giấc, một mình lén vào nhà của Nhi kéo hai học tử quần áo không phát hiện tài sản, bị cáo đi vào nhà tắm phát hiện số tiền Nhi để trong túi quần và lấy hết bỏ vào túi quần đi về nhà ngủ tiếp. Đến 1 giờ sáng ngày 11/3/2019, Nhi thức giấc và phát hiện hai học tử nhựa bị lục tung, Nhi đi vào nhà tắm phát hiện số tiền trong túi quần bị mất nên đã trình báo chính quyền địa phương lập biên bản, phát hiện Cao Mỹ N là đối tượng lấy trộm tiền của chị Nhi, qua làm việc bị cáo Nhiên khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, công an thu giữ số tiền 6.700.000 đồng, sau đó, bị cáo đã chủ động bồi thường tiếp cho bị hại 800.000 đồng còn lại.

Vật chứng thu giữ: 01 cây thuốc Sam son đã được bị cáo giao trả cho bị hại. Đối với số tiền 6.700.000 đồng và đã được Cơ quan điều tra tiến hành trao trả cho bị hại Đoàn Hồng Nhi theo biên bản giao nhận tài sản ngày 30/04/2019.

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 15/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời đã truy tố bị cáo Cao Mỹ N về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng đến 24 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm, không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét.

Về vật chứng: Đã trao trả cho bị hại nên không xem xét.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng*: Quá trình khởi tố, điều tra, truy tố các Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt*: Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 10 tháng 03 năm 2019, trong quá trình nhậu chung với nhau, do phát hiện Nhi có mang theo nhiều tiền trong người nên bị cáo Cao Mỹ N đã nảy sinh ý định trộm số tiền trên, đợi đến khi bị hại ngủ say, Nhiên đã lén lút đi sang nhà Nhi để lục tìm số tiền trên và lấy cắp, qua làm việc của cơ quan chức năng, N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của chị Đoàn Hồng Nhi, quyền sở hữu tài sản của người khác luôn được pháp luật bảo vệ. Bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Bị cáo lợi dụng đêm tối, không ai quản lý tài sản nên đã lén lút lấy trộm 7.500.000 đồng của bị hại. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Trước, trong và sau khi phạm tội bị cáo không bị bệnh tâm thần hoặc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với hành vi mà bị cáo gây ra. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của chị Đoàn Hồng Nhi là 7.500.000 đồng. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Cao Mỹ N về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

3] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường, khắc phục số tiền cho bị hại, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, con bị cáo còn nhỏ, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xét về nhân thân, bị cáo có một tiền án về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, theo bản số 38/2013/HSST ngày 15/5/2013 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xử phạt với mức án 6 tháng tù cho hưởng án treo, đã chấp hành xong hình phạt và đã xóa án tích.

5] *Về hình phạt*: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo gây ra thấy rằng, bản thân của bị cáo là một thành niên khỏe mạnh, lẽ ra bị cáo phải siêng năng lao động để tạo ra thu nhập chính đáng phục vụ cho nhu cầu của bản thân, nhưng ngược lại bị cáo muốn hưởng thụ tài sản của người khác một cách trái pháp luật mà không cần bỏ công sức lao động, bị cáo chấp nhận dần thân vào con đường phạm tội, chấp nhận đánh mất cuộc sống tự do. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, hành vi của bị cáo không những vi phạm pháp luật hình sự mà còn gây dư luận ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn nơi tội phạm xảy ra, làm cho người dân hoang mang lo sợ, không an tâm lao động sản xuất. Bản thân bị cáo đã trưởng thành, trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có nhận thức bình thường, không bị bệnh tâm thần hay hạn chế về thể chất, bị cáo có đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã từng bị kết án, được cho hưởng án treo để cải tạo tốt hơn cho bản thân, đó đã là một sự khoan hồng của pháp luật dành cho bị cáo, tuy đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích nhưng nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới với lỗi cố ý, điều này thể hiện bị cáo không có ý thức cải tạo, sửa đổi bản thân, không cảm thấy xấu hổ về hành vi phạm tội của mình, xem thường quy định pháp luật, do đó lần phạm tội này cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để bị cáo có điều kiện cải tạo trong môi trường nghiêm khắc hơn, nhằm đạt hiệu quả cải tạo tốt hơn so với hình thức xử phạt mà bị cáo đã được hưởng trong lần phạm tội trước đó. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có cơ sở, nên chấp nhận. Tuy nhiên, mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là chưa đủ tính răn đe giáo dục đối với bị cáo, với mục đích cải tạo bị cáo có điều kiện hòa nhập lại với cộng đồng trong tư cách một công dân tốt thì trong lần phạm tội này nhất thiết phải áp dụng hình thức cải tạo nghiêm khắc hơn, do đó đề nghị của Viện kiểm sát cho bị cáo được hưởng án treo là chưa phù hợp với hành vi và ý thức cải tạo của bị cáo. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo suy ngẫm về bản thân, và khi được trở về với xã hội bị cáo biết trân trọng cuộc sống tự do, sửa đổi thành một công dân tốt, thành con người có ích cho gia đình và xã hội.

[6] *Về xử lý vật chứng*: Các vật chứng đã thu giữ trong vụ án là tài sản của bị hại đã bị đánh cắp, do đó Cơ quan điều tra đã trao trả lại cho bị hại là có cơ sở. Việc xử lý vật chứng đã được thực hiện xong tại giai đoạn điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về thủ tục tố tụng: Bị hại và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai đầy đủ tại hồ sơ nên việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Cao Mỹ N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Mỹ N 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. buộc bị cáo Cao Mỹ N phải nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng NV-GĐKT;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CAND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã Khánh Lộc;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Hợp